

Số: 05/2016/TTLT/BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

Căn cứ Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;

Sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về nguyên tắc hoạt động; thành phần; chế độ làm việc; quan hệ công tác; vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh), Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện).

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

a) Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh; Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Tôn trọng hoạt động nghiệp vụ của cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Phát huy hiệu quả công tác phối hợp của các cấp, các ngành trong thi hành án dân sự phù hợp với vai trò, trách nhiệm được giao.

Điều 3. Thẩm quyền thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh (mẫu số 1 được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện (mẫu số 2 được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) trên cơ sở đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 4. Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, Tổ Thư ký

1. Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh gồm có:

a) 01 Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) 01 Phó Trưởng ban là Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự;

c) Các Thành viên gồm: Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Ngoài thành phần nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể yêu cầu đại diện Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải và mời đại diện Lãnh đạo Tòa án nhân dân, Bảo hiểm xã hội, Bộ Chỉ huy quân sự, Đoàn Luật sư, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan làm Thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh.

2. Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện gồm có:

- a) 01 Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) 01 Phó Trưởng ban là Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự;
- c) Các Thành viên gồm: Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Công an cấp huyện.

Ngoài các thành phần nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể yêu cầu đại diện Phòng Nội vụ, Phòng Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Thông tin và Truyền thông; mời đại diện Tòa án nhân dân, Bảo hiểm xã hội, Ban Chỉ huy quân sự, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan làm Thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện.

3. Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

a) Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh gồm 01 Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án của Cục Thi hành án dân sự và 01 công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện gồm 01 Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự và 01 công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban, các Thành viên và Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự (sau đây gọi chung là Thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự) làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương II

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN CHỈ ĐẠO THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 5. Vai trò của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp; chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện những công việc sau:

1. Xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân cùng cấp về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự trình Ủy ban nhân dân quyết định.

2. Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân về việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

3. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan với cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức cưỡng chế; tham mưu, đề xuất các biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

4. Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về tổ chức phối hợp với các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

5. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự ở địa phương.

6. Kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời đối với những vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 7. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Trách nhiệm của Trưởng ban

a) Điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

b) Quyết định nội dung cuộc họp, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

c) Phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban và các Thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

d) Chỉ đạo sự phối hợp hoạt động của các Thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự và các cơ quan có liên quan ở địa phương trong công tác thi hành án dân sự;

đ) Quyết định kiểm tra hoặc cử Thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân trong công tác thi hành án dân sự ở địa phương;

e) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân về nhiệm vụ được giao.

2. Trách nhiệm của Phó Trưởng ban

a) Thường trực Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự khi Trưởng ban vắng mặt hoặc được Trưởng ban ủy quyền;

b) Giúp Trưởng ban trong việc chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự và chịu trách nhiệm về những công việc được Trưởng ban giao;

c) Trực tiếp giải quyết các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, ký các văn bản của Ban Chỉ đạo theo ủy quyền của Trưởng ban để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định biện pháp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan và tổ chức thi hành án dân sự sau khi có kết luận cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

d) Chỉ đạo tổ chức các cuộc họp, các buổi làm việc và các điều kiện làm việc của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

đ) Chỉ đạo cơ quan Thi hành án dân sự lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân phê duyệt;

e) Đôn đốc cơ quan thi hành án dân sự, các cơ quan có liên quan thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

Điều 8. Trách nhiệm của các Thành viên, Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Trách nhiệm của các Thành viên

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

b) Đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự; chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trong các cuộc họp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;